



LONG GIANG
LAND



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ IV/2024

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 31/12/2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		784,307,801,663	1,088,306,277,413
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	5,677,043,366	8,580,880,619
Tiền	111		5,677,043,366	8,580,880,619
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6.2	1,425,325	1,229,800
Chứng khoán kinh doanh	121		1,425,325	1,425,325
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	(195,525)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		267,844,474,357	720,774,765,904
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	264,970,532,489	322,936,205,738
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	8,102,024,060	11,273,137,027
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	13,303,548,211	20,919,261,337
Phải thu ngắn hạn khác	136	10	61,008,081,393	442,388,124,460
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	12	(79,512,967,070)	(76,843,474,841)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		(26,744,726)	101,512,183
Hàng tồn kho	140	11	503,462,137,609	353,259,470,566
Hàng tồn kho	141		504,752,848,050	354,550,181,007
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1,290,710,441)	(1,290,710,441)
Tài sản ngắn hạn khác	150		7,322,721,006	5,689,930,524
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5	15,158,330	12,000,000
Thuế GTGT được khấu trừ	152		6,617,719,382	5,450,887,086
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	689,843,294	227,043,438
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		613,853,278,446	295,530,936,542
Các khoản phải thu dài hạn	210		342,427,307,500	22,060,590,250
Phải thu dài hạn khác	216	10	342,427,307,500	22,060,590,250
Tài sản cố định	220		987,377,159	2,061,857,003
Tài sản cố định hữu hình	221	13	287,811,237	1,129,102,449
- Nguyên giá	222		16,987,745,119	17,463,935,595
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16,699,933,882)	(16,334,833,146)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	14	699,565,922	932,754,554
- Nguyên giá	225		8,295,428,957	8,295,428,957
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(7,595,863,035)	(7,362,674,403)
Tài sản cố định vô hình	227	15	-	-
- Nguyên giá	228		160,000,000	160,000,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(160,000,000)	(160,000,000)
Đầu tư tài chính dài hạn	250		269,337,410,000	270,337,410,000
Đầu tư vào công ty con	251	6.3	115,537,410,000	115,537,410,000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	6.3	153,800,000,000	153,800,000,000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	6.3	26,846,596,000	26,846,596,000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	6.3	(26,846,596,000)	(26,846,596,000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	6.1	-	1,000,000,000
Tài sản dài hạn khác	260		1,101,183,787	1,071,079,289
Chi phí trả trước dài hạn	261	5	1,101,183,787	1,071,079,289
TỔNG TÀI SẢN	270		1,398,161,080,109	1,383,837,213,955

Các Thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		721,732,088,951	651,256,248,785
Nợ ngắn hạn	310		650,556,589,800	650,924,759,630
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	97,337,751,068	96,658,633,985
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	7,848,976,540	13,369,053,504
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	66,846,092,454	67,263,564,992
Phải trả người lao động	314		806,726,514	988,049,216
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	1,180,681,094	16,298,891,461
Phải trả ngắn hạn khác	319	22	206,576,866,803	196,785,827,515
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	251,821,734,800	241,169,060,524
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	18,137,760,527	18,391,678,433
Nợ dài hạn	330		71,175,499,151	331,489,155
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	71,175,499,151	331,489,155
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		676,428,991,158	732,580,965,170
Vốn chủ sở hữu	410	23	676,428,991,158	732,580,965,170
Vốn góp của chủ sở hữu	411		515,000,000,000	515,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		515,000,000,000	515,000,000,000
Thặng dư vốn cổ phần	412		1,425,992,965	1,425,992,965
Cổ phiếu quỹ	415		(43,500,000)	(43,500,000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		42,696,514,304	42,696,514,304
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		20,954,525,811	20,954,525,811
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		96,395,458,078	152,547,432,090
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		152,547,432,090	133,980,912,305
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(56,151,974,012)	18,566,519,785
TỔNG NGUỒN VỐN	440		1,398,161,080,109	1,383,837,213,955

Hà Nội ngày 20 tháng 01 năm 2025

Người lập biểu

Nguyễn Thị Huyền

Kế toán trưởng

Đặng Thị Loan

Tổng Giám đốc



Nguyễn Mạnh Hà

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG

Địa chỉ: Số nhà 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV/2024

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý IV/2024

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
				Quý IV/2024	Quý IV/2023	Năm 2024	Năm 2023
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	3,915,152,290	8,715,682,539	44,908,822,785	79,877,436,467
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	0	0	0	0
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		3,915,152,290	8,715,682,539	44,908,822,785	79,877,436,467
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	4,486,694,931	9,518,881,110	44,718,100,146	80,296,094,166
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(571,542,641)	(803,198,571)	190,722,639	(418,657,699)
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1,565,760,371	4,507,328,804	1,938,769,102	116,347,632,322
7.	Chi phí tài chính	22	VI.4	9,581,394,394	10,953,515,012	30,086,596,172	26,922,301,502
	<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		7,366,721,528	8,178,978,386	25,290,122,064	20,643,222,346
8.	Chi phí bán hàng	24		0	15,652,894,018	0	15,774,296,048
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	6,467,386,530	(13,499,741,694)	18,265,739,748	36,248,100,684
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(15,054,563,194)	(9,402,537,103)	(46,222,844,179)	36,984,276,389
11.	Thu nhập khác	31	VI.6	34,201,293	76,753	133,815,969	83,066,382
12.	Chi phí khác	32	VI.7	871,282,933	4,111,936,990	10,062,945,802	8,268,028,007
13.	Lợi nhuận khác	40		(837,081,640)	(4,111,860,237)	(9,929,129,833)	(8,184,961,625)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(15,891,644,834)	(13,514,397,340)	(56,151,974,012)	28,799,314,764
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.20	0	0	0	10,232,794,979
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		0	0	0	0
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(15,891,644,834)	(13,514,397,340)	(56,151,974,012)	18,566,519,785

Người lập biểu

Kế toán trưởng

(Signature)
Nguyễn Thị Huyền

(Signature)
Đặng Thị Loan

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2025



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024	Từ 01/01/2023
			đến 31/12/2024	đến 31/12/2023
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		(56,151,974,012)	28,799,314,764
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		598,289,368	1,243,829,419
Các khoản dự phòng	03		2,669,296,704	19,864,725,912
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		-	(111,912,354,878)
Chi phí lãi vay	06		25,290,122,064	20,643,222,346
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước	08		(27,594,265,876)	(41,361,262,437)
thay đổi vốn lưu động				
Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	09		(2,019,874,862)	10,019,149,273
(Tăng) hàng tồn kho	10		(150,202,667,043)	(1,679,571,673)
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả (không kể	11		(4,216,596,067)	
lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh				430,696,430
nghiệp phải nộp)				
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(33,262,828)	179,402,030
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	5,319,680,000
Tiền lãi vay đã trả	14		(18,413,202,732)	(29,130,125,259)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(7,571,821,365)	(13,912,877,666)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		57,760,000,000	
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		67,878,000,000	(120,170,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh	20		(84,413,690,773)	(70,255,079,302)
doanh				
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và	21		-	(3,000,000)
các tài sản dài hạn khác				
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và	22		9,000,000	-
các tài sản dài hạn khác				
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của	23		11,000,000,000	(17,920,000,000)
đơn vị khác				
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ	24		19,202,848,550	12,000,325,516
nợ của đơn vị khác				
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị	26		-	800,000,000
khác				
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được	27		4,522,232,709	2,554,282,192
chia				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		34,734,081,259	(2,568,392,292)

Các Thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024	Từ 01/01/2023
			đến 31/12/2024	đến 31/12/2023
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		156,655,522,266	187,777,698,370
Tiền trả nợ gốc vay	34		(109,573,760,001)	(126,513,364,309)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(305,990,004)	(483,734,004)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		46,775,772,261	60,780,600,057
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(2,903,837,253)	(12,042,871,537)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4	8,580,880,619	20,623,752,156
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	5,677,043,366	8,580,880,619

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2025

Người lập biểu

Nguyễn Thị Huyền

Kế toán trưởng

Đặng Thị Loan

Tổng Giám đốc



Nguyễn Mạnh Hà

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103000552, đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 10 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Sau đổi thành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101184201 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 14 tháng 05 năm 2010.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 15 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trong đó Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 15 ngày 19 tháng 5 năm 2023 về việc thay đổi thông tin người đại diện theo pháp luật.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại Số 173, đường Xuân Thủy, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ thực góp theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đến ngày 31/12/2024 là 515.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm mười lăm tỷ đồng) chia thành 51.500.000 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Cổ phiếu của công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là: LGL.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 34 người (tại ngày 31/12/2023 là 31 người).

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty trong kỳ: Kinh doanh nhà ở và bất động sản.

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất kinh doanh bình quân của hoạt động chuyên nhượng bất động sản của Công ty bắt đầu từ thời điểm xin giấy phép đầu tư, thực hiện giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ bản cho đến thời điểm hoàn thiện. Do vậy, chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động chuyên nhượng bất động sản của Công ty thường trên 12 tháng.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của các hoạt động khác của Công ty không quá 12 tháng.

1.4 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG KỲ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong kỳ, công ty không phát sinh doanh thu bán bất động sản. Doanh thu kỳ này của Công ty chủ yếu từ hoạt động bán hàng hóa cho bên liên quan và doanh thu tiền điện nước từ dịch vụ quản lý tòa nhà đối với bên liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.5 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có 01 công ty con 02 công ty liên kết và 02 đơn vị phụ thuộc:

Tên	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty con					
Công ty Cổ phần TMDV Nghĩa Đô	Số 1 phố Nghĩa Tân, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Kinh doanh bất động sản	52,46%	52,46%	52,46%
Công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Đầu tư Rivera	P.903, Tầng 9, Tòa nhà Diamond Plaza, 34 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, quận 1, TP Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản và xây dựng chuyên dụng	48%	48%	48%
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Bất động sản Rivera Homes	VP8, Tầng 24, Số 173 Xuân Thủy, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội	Dịch vụ quản lý tòa nhà	49%	49%	49%

Đơn vị trực thuộc:

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có 02 chi nhánh trực thuộc và 1 văn phòng đại diện

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang	Số nhà 35/11, đường Trần Đình Xu, phường Cầu Kho, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang tại Thành phố Cần Thơ	Lô C, Trần Quang Khải, Khu dân cư phường Cái Khế, phường Cái Khế quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

1.6 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024.

2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này:

3.1 CƠ SỞ, MỤC ĐÍCH LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập là Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của văn phòng Công ty bao gồm số liệu của các chi nhánh. Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Chứng khoán kinh doanh (tiếp)

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập cho từng loại chứng khoán được mua trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán: giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán
- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM): giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc năm tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trực tiếp giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Đầu tư vào Công ty con

Khoản đầu tư được trình bày là khoản đầu tư vào Công ty Con khi Công ty nắm quyền kiểm soát đơn vị được đầu tư. Kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh đó.

Một khoản đầu tư được coi là nắm được quyền kiểm soát của đơn vị được đầu tư khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị đó trừ khi quyền sở hữu đó không gắn liền quyền kiểm soát. Nếu Công ty không nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị khác thì Công ty vẫn có thể có được quyền kiểm soát đơn vị nếu Công ty có:

- Quyền lớn hơn 50% quyền biểu quyết của đơn vị nhờ có một thoả thuận với các nhà đầu tư khác;
- Quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị theo một quy chế hay một thoả thuận;
- Quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị theo một quy chế hay một thoả thuận;
- Quyền bổ nhiệm, bãi miễn đa số thành viên Hội đồng Quản trị (hoặc một bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị; hoặc
- Quyền bỏ phiếu quyết định trong các cuộc họp Hội đồng Quản trị (hoặc bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị.

Thời điểm ghi nhận ban đầu của khoản đầu tư vào Công ty con được mua trong kỳ là ngày mà Công ty đạt được quyền kiểm soát thực tế đối với đơn vị được đầu tư. Trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các khoản đầu tư vào Công ty con được trình bày theo giá gốc (giá mua và các chi phí mua trực tiếp liên quan) trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư. Việc lập dự phòng tổn thất đầu tư căn cứ vào giá trị khoản lỗ lũy kế trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty con và có thể được hoàn nhập khi có lãi. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thoả thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thoả thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thoả thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động và không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính khi các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết có cổ phiếu niêm yết trên thị trường hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc trích lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính giữa niên độ được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

3.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: Giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền sau từng lần nhập.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng Cân đối kế toán riêng theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Máy móc, thiết bị	06 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 04 năm

3.8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ kế toán.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong kỳ kế toán nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều kỳ:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng;
- Chi phí bán hàng liên quan đến dự án

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.9 NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

3.10 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả của Công ty là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

Việc ghi trích trước chi phí để tạm tính giá vốn của các công trình tuân thủ các nguyên tắc:

Công ty chỉ trích trước chi phí để tạm tính giá vốn cho các công trình/hạng mục đã hoàn thành và được xác định là đã bán trong kỳ. Chi phí trích trước vào giá vốn là các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng. Số chi phí trích trước được tạm tính đảm bảo tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của công trình/hạng mục được xác định đã bán.

3.11 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các kế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, khoản vay đến hạn trả trong vòng 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh tiếp theo được phân loại là vay ngắn hạn, các khoản có thời gian trả nợ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản vay dài hạn.

3.12 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.12 CHI PHÍ ĐI VAY (TIẾP)

Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

3.13 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

3.14 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu từ chuyển nhượng bất động sản, vật liệu xây dựng và doanh thu cho thuê tài sản

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.14 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP (TIẾP)

Doanh thu cung cấp dịch vụ (tiếp)

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền đối với hợp đồng không hủy ngang được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất;
- Công ty đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Doanh thu cho thuê

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê căn hộ và dự án cho thuê xe ô tô được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thiện công việc.

Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Doanh thu xác định tương đối chắc;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.15 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã xuất bán hoặc đã cung cấp trong kỳ.

Giá vốn của bất động sản chuyển nhượng được xác định theo chi phí ước tính căn cứ trên Tổng mức đầu tư ban đầu và các lần điều chỉnh được phê duyệt của các dự án và chi phí thực tế phát sinh liên quan trực tiếp khác liên quan tới việc đầu tư, xây dựng bất động sản.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, giá vốn hàng bán còn bao gồm các khoản chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho kể cả khi sản phẩm hàng hóa chưa được tiêu thụ; giá trị hàng tồn kho bị hao hụt, mất mát và khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

3.16 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay.

3.17 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

3.18 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm:
- Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tập đoàn kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.18 BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	354,287,661	521,053,692
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5,322,755,705	8,059,826,927
Cộng	5,677,043,366	8,580,880,619

5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	15,158,330	12,000,000
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	15,158,330	12,000,000
Dài hạn	1,101,183,787	1,071,079,289
- Chi phí bán hàng dự án Vũ Trọng Phụng	1,101,183,787	1,071,079,289
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	-
Cộng	1,116,342,117	1,083,079,289

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

6.1. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
- Trái phiếu Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Chi nhánh Hà Nội	-	-	1,000,000,000	-
Cộng	-	-	1,000,000,000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

6.2 CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	31/12/2024		01/01/2024			
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	1,425,325	1,623,600	-	1,425,325	1,229,800	(195,525)
Cộng	1,425,325	1,623,600	-	1,425,325	1,229,800	(195,525)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

6.3 ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty con	115,537,410,000	-	115,537,410,000	-
+ Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Nghĩa Đô	115,537,410,000	-	115,537,410,000	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	153,800,000,000	-	153,800,000,000	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Rivera	144,000,000,000	-	144,000,000,000	-
+ Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác BĐS Rivera Homes	9,800,000,000	-	9,800,000,000	-
Đầu tư vào đơn vị khác	26,846,596,000	(26,846,596,000)	26,846,596,000	(26,846,596,000)
+ Công ty Cổ phần Long Giang TSO	10,000,000,000	(10,000,000,000)	10,000,000,000	(10,000,000,000)
+ Công ty Cổ phần Cung cấp Giải pháp Kỹ thuật	3,000,000,000	(3,000,000,000)	3,000,000,000	(3,000,000,000)
+ Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Descon	13,846,596,000	(13,846,596,000)	13,846,596,000	(13,846,596,000)
Cộng	296,184,006,000	(26,846,596,000)	296,184,006,000	(26,846,596,000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

6.3 ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC (TIẾP)

(*) Tại thời điểm 31/12/2024, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kê toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Số lượng cổ phần và tỷ lệ sở hữu tại các đơn vị như sau:

	31/12/2024		01/01/2024	
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
- Công ty Cổ phần TMDV Nghĩa Đô	1,063,872	52.46%	1,063,872	52.46%
- Công ty Cổ phần Đầu tư Rivera	14,400,000	48.00%	14,400,000	48.00%
- Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác BĐS Rivera Homes	980,000	49.00%	980,000	49.00%
- Công ty Cổ phần Long Giang TSQ	1,000,000	10.00%	1,000,000	10.00%
- Công ty Cổ phần Cung cấp Giải pháp kỹ thuật	300,000		300,000	
- Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Descon	525,060	1.47%	525,060	1.47%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các bên liên quan	5,853,994,704	-	4,639,845,102	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Rivera	57,846,095	-	51,184,422	-
- Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác BĐS Rivera Homes	5,533,710,860	-	3,878,469,283	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư TMDV Xuân Thủy	-	-	447,753,648	-
- Cá nhân là bên liên quan - Phải thu tiền mua căn hộ	262,437,749	-	262,437,749	-
Phải thu các khách hàng khác	259,116,537,785	(64,192,589,462)	318,296,360,636	(64,412,212,813)
- Phải thu bán căn hộ dự án Thành Thái	62,285,949,087	(2,578,911,310)	61,892,402,595	(2,578,911,310)
- Phải thu bán căn hộ dự án Vũ Trọng Phụng	4,980,010,669	(3,937,872,450)	5,701,610,261	(3,937,872,450)
- Công ty Cổ phần Rivera Hà Nội	17,322,755,150	(9,219,253,393)	18,094,502,440	(9,469,253,393)
- Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam	21,700,610,682	(21,700,610,682)	21,700,610,682	(21,700,610,682)
- Công ty Cổ phần Xây dựng Long Giang	6,842,349,375	(6,842,349,375)	6,842,349,375	(6,842,349,375)
- Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Việt Nam	6,807,724,175	-	6,807,724,175	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Bách Việt	19,242,360,000	(3,851,621,039)	19,242,360,000	(3,851,621,039)
- Phải thu về chuyển nhượng cổ phần CTCP Minh Phát	101,562,618,000	-	154,322,618,000	-
- Phải thu Bà Nguyễn Thị Minh Ngọc về chuyển nhượng cổ phần/ quyền mua cổ phần CTCP Đầu tư BĐS may theo Việt Hưng	-	-	5,000,000,000	-
- Các khách hàng khác	18,372,160,647	(16,061,971,213)	18,692,183,108	(16,031,594,564)
Cộng	264,970,532,489	(64,192,589,462)	322,936,205,738	(64,412,212,813)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	2,949,393,198	(200,000,000)	2,949,393,198	(200,000,000)
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Long Giang	2,749,393,198	(2,749,393,198)	2,749,393,198	-
- Ông Nguyễn Toàn Thắng	200,000,000	(200,000,000)	200,000,000	(200,000,000)
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	5,152,630,862	(2,106,595,348)	8,323,743,829	(1,794,845,399)
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Vật liệu Xây dựng An Bình	2,000,000	-	4,045,381,857	-
- Các đối tượng khác	5,150,630,862	(2,106,595,348)	4,278,361,972	(1,794,845,399)
Cộng	8,102,024,060	(2,306,595,348)	11,273,137,027	(1,994,845,399)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Cho vay bên liên quan	4,702,091,814	(4,702,091,814)	4,702,091,814	(4,702,091,814)
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Long Giang	4,702,091,814	(4,702,091,814)	4,702,091,814	(4,702,091,814)
Cho vay tổ chức, cá nhân khác	8,601,456,397	(5,036,840,401)	16,217,169,523	(5,734,324,815)
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Xây dựng Long Giang	1,451,963,657	-	-	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng Long Giang	1,416,186,629	(1,331,566,791)	1,416,186,629	(1,416,186,629)
- Ông Mai Thanh Phương	2,658,473,610	(2,658,473,610)	2,658,473,610	(2,658,473,610)
- Bà Nguyễn Thị Huệ	-	-	8,920,000,000	-
- Các tổ chức và cá nhân khác	3,074,832,501	(1,046,800,000)	3,222,509,284	(1,659,664,576)
Cộng	13,303,548,211	(9,738,932,215)	20,919,261,337	(10,436,416,629)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

10. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	61,008,081,393	(12,499,000)	442,388,124,460	-
Phải thu các bên liên quan	298,477,093	-	298,477,093	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Long Giang	35,636,000	-	35,636,000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Rivera	262,841,093	-	262,841,093	-
Phải thu tổ chức, cá nhân khác	60,709,604,300	-	442,089,647,367	-
- Công ty Cổ phần Minh Phát (1)	164,187,733	-	366,400,000,000	-
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Xây dựng Long Giang	81,508,228	-	3,168,000,000	-
- Công ty Cổ phần Rivera Hà Nội	2,104,443,523	-	81,508,228	-
- Phải thu lãi cho vay	18,853,189,085	-	2,362,613,468	-
- Bà Nguyễn Thị Huệ	11,601,984,849	-	29,649,784,062	-
- Ông Phạm Văn Trường	25,917,430,306	-	24,342,357,090	-
- Tạm ứng cho các cá nhân (2)	1,986,860,576	(12,499,000)	14,969,075,016	-
- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	342,427,307,500	-	1,116,309,503	-
Dài hạn	334,098,097,500	-	22,060,590,250	-
Phải thu các bên liên quan	334,098,097,500	-	13,731,380,250	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Long Giang (3)	8,329,210,000	-	13,731,380,250	-
Phải thu tổ chức, cá nhân khác	8,329,210,000	-	8,329,210,000	-
- Ký cược, ký quỹ	8,329,210,000	-	8,329,210,000	-
+ Dự án Rivera Park Cần Thơ	8,279,210,000	-	8,279,210,000	-
+ Ký quỹ thuê tài chính	50,000,000	-	50,000,000	-
Cộng	403,435,388,893	(12,499,000)	464,448,714,710	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

10. PHẢI THU KHÁC (TIẾP)

(1) Công ty ký Hợp đồng nguyên tắc ("HĐNT") ngày 15/11/2022 với Công ty Cổ phần Minh Phát để đảm bảo cho việc sẽ giao kết Hợp đồng hợp tác đầu tư thực hiện Dự án Khu biệt thự Rivera Park Mũi Né tại phường Mũi Né, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận ("Dự án"). Tổng vốn đầu tư của Dự án được tạm xác định là 1.374.300.000 VND. Theo các Phụ lục hợp đồng, các bên thống nhất tỷ lệ vốn góp của Công ty Cổ phần Minh Phát là 51%, Công ty là 49%, góp bằng tiền. Giá trị đảm bảo thực hiện HĐNT đợt 1 là 155.000.000 VND, đợt 2 là 210.000.000 VND và đợt 3 là 5.000.000.000 VND. Tính đến 30/06/2024, Công ty đã thực hiện chuyển tiền 3 đợt cho Công ty Cổ phần Minh Phát với tổng số tiền: 366.933.000.000 đồng. Tại thời điểm Công ty Cổ phần Minh Phát đủ điều kiện huy động vốn theo quy định của pháp luật, các bên thống nhất chuyển đổi tiền đảm bảo thực hiện HĐNT thành vốn góp của Công ty tại Hợp đồng hợp tác thực hiện Dự án.

Ngày 26/10/2023, Dự án đã được UBND tỉnh Bình Thuận phê duyệt về việc gia hạn tiến độ sử dụng đất với thời hạn 12 tháng kể từ ngày 26/10/2023 đối với dự án tại Quyết định số 2255/QĐ-UBND. Ngày 29/12/2023, UBND thành phố Phan Thiết phê duyệt Quy hoạch chi tiết dự án Khu Biệt thự Rivera Park tại Quyết định số 6854/QĐ-UBND. Ngày 29/01/2024, Công ty Cổ phần Minh Phát đã gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận Văn bản đề nghị điều chỉnh Dự án. Ngày 07/02/2024, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận đã có Báo cáo thẩm định Hồ sơ đề nghị chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư của Dự án số 624/BC-SKHĐT gửi UBND tỉnh Bình Thuận xem xét. Ngày 25/06/2024, UBND tỉnh Bình Thuận đã có Công văn số 2338/UBND-KGVXNV gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư cùng Sở Tài Nguyên và Môi trường giao 02 Sở rà soát, đề xuất, tham mưu cho UBND tỉnh hướng xử lý tiếp theo đối với Dự án. Tới thời điểm lập Báo cáo này, chúng tôi đã thu hồi toàn bộ khoản góp vốn dự án này.

(2) Khoản tạm ứng cho các cá nhân để thực hiện các công việc phục vụ Dự án Rivera Park Cán Thơ và các dự án khác.

(3) Khoản góp vốn hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Long Giang theo Hợp đồng 0406/2010/HĐ-HTKD/LGL-LGG ngày 04 tháng 06 năm 2010 và phụ lục số 01/2019/PLHĐ/LGG-LGL ngày 01/07/2019 để thực hiện dự án khu nhà ở cao tầng tại ô đất CC05A - Dự án khu đô thị Việt Hưng - Hà Nội ("Dự án Việt Hưng"). Dự án Việt Hưng đã được gia hạn sử dụng đất 24 tháng kể từ ngày 23/08/2023 theo quyết định số 4216/QĐ-UBND ngày 23/08/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội do nguyên nhân bất khả kháng dịch bệnh Covid-19. Ngày 15/03/2024, UBND Thành phố Hà Nội có Công văn số 2920/VP-ĐT gửi Sở Quy hoạch - Kiến trúc hướng dẫn Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Long Giang nghiên cứu điều chỉnh quy hoạch tại ô đất CC-05A trong Khu đô thị mới Việt Hưng. Tới thời điểm lập báo cáo này, Dự án vẫn đang trong quá trình tiếp tục hoàn thiện các thủ tục pháp lý và trình Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội phê duyệt quy hoạch chi tiết và hoàn thiện hồ sơ pháp lý để triển khai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

11. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang				
Dự án Rivera Park Cần Thơ (1)	212,668,046,794	-	60,511,837,337	-
Dự án Việt Hưng	90,611,461,058	-	55,271,719,856	-
Các dự án khác	116,009,792,929	-	1,456,854,528	-
	6,046,792,807	-	3,783,262,953	-
Hàng hóa	1,290,710,441	(1,290,710,441)	1,290,710,441	(1,290,710,441)
Hàng hóa bất động sản	290,794,090,815	-	292,747,633,229	-
Dự án Thành Thái (2)	279,053,516,504	-	279,053,516,504	-
+ Lô A	2,044,268,386	-	2,044,268,386	-
+ Lô C	277,009,248,118	-	277,009,248,118	-
Dự án Vũ Trọng Phụng (3)	11,740,574,311	-	13,694,116,725	-
Cộng	504,752,848,050	(1,290,710,441)	354,550,181,007	(1,290,710,441)

(1) Dự án "Tổ hợp Trung tâm Thương mại, văn phòng và nhà ở Rivera Park Cần Thơ" có quy mô 6.228m² để xây nhà ở cao tầng, thương mại dịch vụ, văn phòng, nhà ở biệt thự, nhà ở liền kề và các công trình kỹ thuật. Tiến độ thực hiện dự án dự kiến 27 tháng từ tháng 01/2019 đến hết tháng 03/2021 (bao gồm thực hiện các thủ tục đầu tư, thời gian xây dựng và hoàn thành công trình), tổng vốn đầu tư 561.650.294.000 VND. Dự án được gia hạn thêm thời gian thực hiện 36 tháng kể từ ngày 01/4/2021 đến hết tháng 3/2024. Theo báo cáo thẩm định số 2123/BC-SKHĐT, Công ty đang xin điều chỉnh kéo dài thời gian thực hiện thêm 30 tháng kể từ ngày 01/04/2024 đến hết tháng 09/2026. Dự án được UBND quận Ninh Kiều phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 và UBND thành phố Cần Thơ phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với Dự án, Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư dự án và yêu cầu chủ đầu tư làm việc để được chấp thuận chủ trương của UBND thành phố Cần Thơ về ranh giới tầng hầm. Các chi phí đã phát sinh là chi phí giải phóng mặt bằng, nhà mẩu, chi phí thi công cọc thí nghiệm, nhà mẩu, chi phí tư vấn thiết kế...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

11. HÀNG TỒN KHO (TIẾP)

(2) Dự án đầu tư xây dựng chung cư Thành Thái theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0104/HTKD/LGL – VIE “V/v Hợp tác thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Chung cư Thành Thái tại Khu đất B29 số 7/28 đường Thành Thái, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh” ngày 01 tháng 4 năm 2014 ký giữa Công ty với Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Việt Nam – Vietradico. Tòa nhà chung cư lô C dự án Thành Thái (288 căn hộ kèm cơ sở hạ tầng) đã được cam kết bán toàn bộ cho Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích quận 10 theo Hợp đồng mua bán ngày 13/12/2018, giá trị hợp đồng tạm tính là 252 tỷ VND (bao gồm thuế GTGT). Sở tài chính có Công văn số 5604/STC-ĐT về thông báo kết quả thẩm tra chi phí đối với Công trình lô C khu chung cư Thành Thái, Quận 10 là: 289.994.797.053 đồng. Giá trị chính thức của hợp đồng sẽ được điều chỉnh lại sau khi được Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh phê duyệt. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Sở tài chính gửi công văn số 4509/STC-ĐT gửi Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh chấp thuận giá trị đầu tư xây dựng 288 căn hộ tại lô C chung cư Thành Thái, phường 14, quận 10.

(3) Dự án công trình xây dựng khu văn phòng, dịch vụ và nhà ở tại 69 Vũ Trọng Phụng theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 396A/HTKD “V/v hợp tác thực hiện Dự án đầu tư xây dựng khu văn phòng, dịch vụ và nhà ở tại 69 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội” ngày 15 tháng 10 năm 2009 ký giữa Công ty với Công ty Cổ phần Tu bổ di tích và Thiết bị văn hóa Trung ương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

12. NỢ XẤU

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Các bên liên quan	4,902,091,814	(4,902,091,814)	4,902,091,814	(4,902,091,814)
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Long Giang	4,702,091,814	(4,702,091,814)	4,702,091,814	(4,702,091,814)
- Ứng trước cho người bán	200,000,000	(200,000,000)	200,000,000	(200,000,000)
Các tổ chức và cá nhân khác	74,866,885,256	(74,610,875,256)	72,197,393,027	(71,941,383,027)
- Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam	21,700,610,682	(21,700,610,682)	21,700,610,682	(21,700,610,682)
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Kỹ thuật Việt Nam	5,586,161,832	(5,586,161,832)	5,586,161,832	(5,586,161,832)
- Công ty Cổ phần Địa ốc COMA	956,866,074	(956,866,074)	956,866,074	(956,866,074)
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng Đông Dương	235,628,628	(235,628,628)	235,628,628	(235,628,628)
- Công ty Cổ phần Long Việt	1,704,662,296	(1,704,662,296)	1,704,662,296	(1,704,662,296)
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 Hà Nội	2,700,617,731	(2,700,617,731)	2,700,617,731	(2,700,617,731)
- Công ty Xây dựng số 1	725,814,494	(725,814,494)	725,814,494	(725,814,494)
- Công ty Delta	681,210,289	(681,210,289)	681,210,289	(681,210,289)
- Công ty Cổ phần Lilama Hà Nội	828,693,477	(828,693,477)	828,693,477	(828,693,477)
- Công ty Cầu 12	644,405,913	(644,405,913)	644,405,913	(644,405,913)
- Tổng Công ty Vinaconex	288,390,391	(288,390,391)	288,390,391	(288,390,391)
- Công ty Cổ phần Xây dựng Long Giang	8,258,536,004	(8,258,536,004)	8,258,536,004	(8,258,536,004)
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Bách Việt	3,851,621,039	(3,851,621,039)	3,851,621,039	(3,851,621,039)
- Công ty Cổ phần Rivera Hà Nội	9,219,253,393	(9,219,253,393)	9,469,253,393	(9,469,253,393)
- Ông Nguyễn Tín - căn hộ 1808A- DA Vũ Trọng Phụng	3,937,872,450	(3,937,872,450)	3,937,872,450	(3,937,872,450)
- Bà Đặng Thị Thùy Trang - căn hộ 2201B- DA Thành Thái	2,578,911,310	(2,578,911,310)	2,578,911,310	(2,578,911,310)
- Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	10,967,629,253	(10,711,619,253)	8,048,137,024	(7,792,127,024)
Cộng	79,768,977,070	(79,512,967,070)	77,099,484,841	(76,843,474,841)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ				
01/01/2024	476,190,476	16,522,662,909	465,082,210	17,463,935,595
- Thanh lý, nhượng bán	(476,190,476)	-	-	(476,190,476)
31/12/2024	-	16,522,662,909	465,082,210	16,987,745,119
HAO MÔN LŨY KẾ				
01/01/2024	(476,190,476)	(15,393,560,460)	(465,082,210)	(16,334,833,146)
- Khấu hao trong kỳ	476,190,476	(841,291,212)	-	(365,100,736)
31/12/2024	-	(16,234,851,672)	(465,082,210)	(16,699,933,882)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
01/01/2024	-	-	-	-
31/12/2024	-	1,129,102,449	-	1,129,102,449
	-	287,811,237	-	287,811,237

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Phương tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2024	1,399,131,816	6,896,297,141	8,295,428,957
31/12/2024	<u>1,399,131,816</u>	<u>6,896,297,141</u>	<u>8,295,428,957</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
01/01/2024	(466,377,262)	(6,896,297,141)	(7,362,674,403)
- Khấu hao trong kỳ	(233,188,632)	-	(233,188,632)
31/12/2024	<u>(699,565,894)</u>	<u>(6,896,297,141)</u>	<u>(7,595,863,035)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2024	<u>932,754,554</u>	-	<u>932,754,554</u>
31/12/2024	<u>699,565,922</u>	-	<u>699,565,922</u>

15. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm Quản lý Bất động sản VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2024	160,000,000	160,000,000
31/12/2024	<u>160,000,000</u>	<u>160,000,000</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
01/01/2024	(160,000,000)	(160,000,000)
31/12/2024	<u>(160,000,000)</u>	<u>(160,000,000)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2024	-	-
31/12/2024	<u>-</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả các bên liên quan	23,916,978,317	23,916,978,317	23,839,055,627	23,839,055,627
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Long Giang	5,637,217,747	5,637,217,747	1,849,406,608	1,849,406,608
- Công ty Cổ phần Đầu tư Rivera	3,899,079,189	3,899,079,189	3,881,259,189	3,881,259,189
- Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác BĐS Rivera Homes	111,687,261	111,687,261	102,499,310	102,499,310
- Công ty Cổ phần Đầu tư TMDV Xuân Thủy	3,545,731,881	3,545,731,881	3,282,628,281	3,282,628,281
- Công ty Cổ phần Công nghiệp lạnh Hưng Trí	10,723,262,239	10,723,262,239	14,723,262,239	14,723,262,239
Phải trả các nhà cung cấp khác	73,420,772,751	73,420,772,751	72,819,578,358	72,819,578,358
- Công ty Cổ phần Bất động sản Mecco	14,906,802,770	14,906,802,770	14,906,802,770	14,906,802,770
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Xây dựng Long Giang	4,471,867,745	4,471,867,745	5,027,895,482	5,027,895,482
- Công ty TNHH Bình Yên	9,018,905,012	9,018,905,012	9,218,905,012	9,218,905,012
- Công ty Cổ phần Gổ An Cường	4,827,961,585	4,827,961,585	4,796,909,788	4,796,909,788
- Các nhà cung cấp khác	40,195,235,639	40,195,235,639	38,869,065,306	38,869,065,306
Cộng	97,337,751,068	97,337,751,068	96,658,633,985	96,658,633,985

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGÁN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>				
- Công ty Cổ phần Đầu tư TMDV Xuân Thủy	-	-	6,451,668	6,451,668
			6,451,668	6,451,668
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>				
- Người mua trả tiền trước Dự án Thành Thái	7,848,976,540	7,848,976,540	13,362,601,836	13,362,601,836
- Người mua trả tiền trước Dự án Vũ Trọng Phụng	2,701,342,291	2,701,342,291	2,701,342,291	2,701,342,291
- Công ty Cổ phần Rivera Hà Nội	2,176,527,317	2,176,527,317	9,721,824,170	9,721,824,170
- Các khách hàng khác	1,990,000,000	1,990,000,000	-	-
	981,106,932	981,106,932	939,435,375	939,435,375
Cộng	7,848,976,540	7,848,976,540	13,369,053,504	13,369,053,504

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	01/01/2024		Số đã thực nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		31/12/2024	
	VND	VND	Số phải nộp trong kỳ	VND	VND	VND	VND	
Thuế và các khoản phải nộp								
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	47,948,849,398	3,000,000	3,000,000	7,571,821,365	40,380,028,033			
- Thuế thu nhập cá nhân	1,316,312,849	1,081,862,211	1,081,862,211	139,259,975	2,258,915,085			
- Thuế bảo vệ môi trường	45,339,657	-	-	-	45,339,657			
- Các loại thuế khác	3,000,000	3,000,000	3,000,000	-	-			
- Phạt chậm nộp thuế	17,950,063,088	6,963,886,890	6,963,886,890	752,140,299	24,161,809,679			
Cộng	67,263,564,992	8,048,749,101	8,048,749,101	8,466,221,639	66,846,092,454			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC (TIẾP)

	01/01/2024	Số phải thu trong kỳ	Số đã thực thu trong kỳ	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu				
- Thuế giá trị gia tăng	227,043,438	462,799,856	-	689,843,294
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	762,493,728	762,493,728	-
Cộng	227,043,438	1,225,293,584	762,493,728	689,843,294

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG
Số 173, Đường Xuân Thủy, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024
Mẫu số B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Nội dung	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	71,175,499,151	71,175,499,151	-	305,990,004
- Nợ dài hạn (thời hạn trên 1 năm)	25,499,151	25,499,151	-	305,990,004
- Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính ngân hàng thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam	25,499,151	25,499,151	-	305,990,004
- Vay cá nhân	71,150,000,000	71,150,000,000	-	-
Cộng	322,997,233,951	322,997,233,951	191,378,113,537	241,500,549,679
Trong đó, vay và nợ với bên liên quan:	20,572,606,731	20,572,606,731	77,606,731	20,495,000,000
- Công ty Cổ phần TMDV Nghĩa Đô	1,572,606,731	1,572,606,731	77,606,731	1,495,000,000
- Công ty Cổ phần Đầu tư TMDV Xuân Thủy	16,000,000,000	16,000,000,000	-	16,000,000,000
- Ông Lê Thế Vinh - Bên liên quan của chủ tịch HĐQT	3,000,000,000	3,000,000,000	-	3,000,000,000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	15,582,894,018
- Công ty Cổ phần Đầu tư Rivera - Trích trước chi phí thi công hoàn thiện hạ tầng, các hạng mục phát sinh, sửa chữa		6,066,003,970
- Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Long Giang - Trích trước Chi phí dịch vụ văn phòng		9,516,890,048
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	1,180,681,094	715,997,443
- Chi phí lãi vay phải trả	584,714,827	502,442,627
- Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	595,966,267	213,554,816
Cộng	1,180,681,094	16,298,891,461

21. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Quỹ khen thưởng	10,587,924,357	9,907,949,922
- Quỹ phúc lợi	7,101,447,076	7,890,339,417
- Quỹ thưởng ban quản lý, điều hành	448,389,094	593,389,094
Cộng	18,137,760,527	18,391,678,433

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

22. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải trả các bên liên quan	24,673,290,706	23,312,428,992
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Long Giang	701,917,811	168,000,000
- Công ty Cổ phần TMDV Nghĩa Đô	138,401,362	
- Công ty Cổ phần Đầu tư Rivera	600,931,507	15,770,039
- CTCP Quản lý và Khai thác BĐS Rivera Homes	15,770,039	591,000,000
- Công ty Cổ phần Đầu tư TMDV Xuân Thủy	21,887,211,223	15,770,039
+ <i>Tạm tính kết quả HTKD dự án Vũ Trọng Phụng</i>	<i>10,900,142,468</i>	<i>10,226,301,368</i>
+ <i>Phải trả lãi vay</i>	<i>10,987,068,755</i>	<i>10,987,068,755</i>
- Thù lao HĐQT, BKS	1,208,888,889	1,208,888,889
- Ông Nguyễn Mạnh Hà	120,169,875	115,399,941
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	181,903,576,097	173,473,398,523
- Tài sản thừa chờ giải quyết	40,674,268	52,279,599
- Kinh phí công đoàn	1,197,972,130	1,155,473,280
- Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	111,821,603	333,397,877
- Kinh phí bảo trì dự án	20,706,128,078	21,274,801,941
- Phí quản lý căn hộ dự án	355,086,235	336,214,195
- Cổ tức phải trả	550,163,510	550,327,510
- CTCP Tu bổ di tích và Thiết bị văn hóa Trung ương	54,813,605,908	52,097,596,461
+ <i>Tạm tính kết quả HTKD dự án Vũ Trọng Phụng</i>	<i>39,476,200,000</i>	<i>39,476,200,000</i>
+ <i>Lãi chậm trả</i>	<i>15,337,405,908</i>	<i>12,621,396,461</i>
- Công ty Cổ phần Địa ốc Bách Việt- Phải trả tiền HTKD dự án Vũ Trọng Phụng	10,611,518,428	10,611,518,428
- Công ty Cổ phần Minh Phát	30,553,418	30,553,418
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Việt Nam- Phải trả tiền HTKD dự án Thành Thái	53,666,574,364	53,666,574,364
- Nhận ký quỹ, ký cược các dự án BĐS	4,056,245,759	4,060,981,919
- Phải trả khách hàng thanh lý HĐ mua căn hộ	13,582,280,809	13,582,280,809
- Lãi vay phải trả các tổ chức, cá nhân khác	16,321,009,036	12,509,036,860
- Phí mượn tài sản của cá nhân để thế chấp	3,684,450,437	1,984,933,639
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2,175,492,114	1,227,428,223
	3,137,374,738	
Cộng	206,576,866,803	196,785,827,515

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2023	515,000,000,000	1,425,992,965	(43,500,000)	42,696,514,304	20,954,525,811	133,980,912,305	714,014,445,385
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	18,566,519,785	18,566,519,785
31/12/2023	515,000,000,000	1,425,992,965	(43,500,000)	42,696,514,304	20,954,525,811	152,547,432,090	732,580,965,170
01/01/2024	515,000,000,000	1,425,992,965	(43,500,000)	42,696,514,304	20,954,525,811	152,547,432,090	732,580,965,170
- Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	-	(56,151,974,012)	(56,151,974,012)
31/12/2024	515,000,000,000	1,425,992,965	(43,500,000)	42,696,514,304	20,954,525,811	96,395,458,078	676,428,991,158

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

23.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	515,000,000,000	515,000,000,000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	515,000,000,000	515,000,000,000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

23.3 CỔ PHIẾU

	31/12/2024	01/01/2024
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	51,500,000	51,500,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	51,500,000	51,500,000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	51,500,000	51,500,000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	2,900	2,900
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2,900	2,900
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	51,497,100	51,497,100
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	51,497,100	51,497,100
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	10,000	10,000

24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023
	VND	VND
- Doanh thu bán hàng	25,268,784,849	62,435,020,405
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	17,525,885,346	14,745,853,744
- Doanh thu bán bất động sản	2,114,152,590	2,696,562,318
Cộng	44,908,822,785	79,877,436,467

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023
	VND	VND
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	25,371,910,160	63,069,663,901
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	16,630,153,844	15,257,807,962
- Giá vốn của bất động sản đã bán	2,716,036,142	1,968,622,303
Cộng	44,718,100,146	80,296,094,166

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023
	VND	VND
- Lãi cho vay, đầu tư trái phiếu	586,935,621	414,727,857
+ Lãi cho vay	586,935,621	346,727,857
+ Lãi đầu tư trái phiếu		68,000,000
- Lãi tiền gửi không kỳ hạn	75,187,081	10,315,718
- Lãi ký quỹ		2,675,907,326
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	1,276,646,400	1,360,862,100
- Lãi chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh	-	1,749,054,400
- Lãi chuyển nhượng công ty liên kết	-	110,136,764,921
Cộng	1,938,769,102	116,347,632,322

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023
	VND	VND
- Chi phí lãi vay, lãi đảm bảo thực hiện hợp đồng	25,290,122,064	19,614,181,250
- Chi phí mượn tài sản	3,954,172,732	6,263,710,088
- Chi phí hợp tác kinh doanh (lãi suất cố định)	842,301,376	1,029,041,096
- Chi phí tài chính khác		15,369,068
Cộng	30,086,596,172	26,922,301,502

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023
	VND	VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	18,265,739,748	36,248,100,684
- Chi phí nhân viên quản lý	7,622,427,965	7,764,201,882
- Chi phí đồ dùng văn phòng	4,105,306	
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	1,055,806,170	1,243,829,419
- Thuế, phí và lệ phí	51,851,222	16,205,555
- (Hoàn nhập)/dự phòng nợ phải thu khó đòi	3,523,658,785	19,864,965,712
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5,998,579,240	6,720,089,234
- Chi phí khác	9,311,060	638,808,882
b) Các khoản chi phí bán hàng	-	15,774,296,048
Cộng	18,265,739,748	52,022,396,732

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

29. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023
	VND	VND
- Lãi phạt chậm thanh toán	112,050,754	21,692,651
- Khoản nợ không phải trả	13,583,397	55,000,000
- Thanh lý tài sản cố định	8,181,818	5,000,000
- Thu nhập khác	-	1,373,731
Cộng	133,815,969	83,066,382

30. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023
	VND	VND
- Phạt do vi phạm hợp đồng	366,611,538	1,597,670,473
- Lãi chậm trả tiền lợi nhuận HTKD dự án Rivera Park Hà Nội	2,716,009,447	3,042,582,786
- Phạt vi phạm hành chính	6,960,886,890	2,537,389,051
- Các khoản chi phí khác	19,437,927	1,090,385,697
Cộng	10,062,945,802	8,268,028,007

31. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan cá nhân

Trong năm 2024, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng, người phụ trách công bố thông tin và các thành viên thân cận trong gia đình chức trách chủ chốt được xác định là bên liên quan của Công ty.

Danh sách các bên liên quan tổ chức

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Long Giang	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần TMDV Nghĩa Đô	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Rivera	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác BĐS Rivera Homes	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư TMDV Xuân Thủy	Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Đầu tư BĐS - May thiên Việt Hưng	Bên liên quan của thành viên BKS
Công ty TNHH Tư vấn Đại học Xây dựng	Bên liên quan của thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Tư vấn Kiến trúc Đô thị Hà Nội - UAC	Bên liên quan của thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Công nghiệp lạnh Hưng Trí	Bên liên quan của thành viên HĐQT

32. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng này.

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang đã được kiểm toán.

35. GIẢI TRÌNH KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ IV/2024

Kết quả kinh doanh hợp nhất Quý IV năm 2024: âm 15.9 tỷ đồng, giảm 2.4 tỷ, tương đương giảm 18% so với lợi nhuận sau thuế Quý IV năm 2023 (lợi nhuận sau thuế Quý IV/2023 là âm 13.5 tỷ). chủ yếu do các nguyên nhân sau:

- Lợi nhuận gộp về bán hàng cung cấp dịch vụ Quý 4 năm 2024 giảm so với Quý 4 năm 2023: 0,2 tỷ
- Doanh thu hoạt động tài chính Quý 4 năm 2024 giảm 2,9 tỷ so với Quý 4 năm 2023 do kỳ năm nay (2024) thu hồi các khoản cho vay.
- Chi phí tài chính Quý 4 năm 2024 giảm 1,4 tỷ so với Quý 4 năm 2023 do giảm các khoản đi vay.
- Chi phí bán hàng Quý 4 năm 2024 giảm 15,6 tỷ so với Quý 4 năm 2023 do Quý 4 năm 2024 không phát sinh chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp Quý 4 năm 2024 tăng 19,9 tỷ so với cùng kỳ năm trước, do kỳ năm trước (2023), Công ty thực hiện hoàn nhập các khoản dự phòng phải thu.
- Lợi nhuận khác Quý 4 năm 2024 tăng 3,3 tỷ do kỳ năm nay (2024) không phát sinh lãi chậm trả một số nhà thầu, nhà cung cấp.

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2025

Người lập biểu

Nguyễn Thị Huyền

Kế toán trưởng

Đặng Thị Loan

Tổng Giám đốc



Nguyễn Mạnh Hà